ISSN: 1859 - 0136

TẠP CHÍ KHOA HỌC XÃ HỘI

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

9
(301)
2023

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG NAM BỘ

Được quét bằng CamScanner

TẠP CHÍ
KHOA HỌC
XÃ HỘI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỐ 9(301)2023
ISSN: 1859-0136
TẠP CHÍ XUẤT BẢN
MỘT THÁNG MỘT KỲ

Tổng biên tập
NGUYỄN THỊ LUYỆN

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP
Chủ tịch
LÊ THANH SANG
Ủy viên
BÙI CHÍ HOÀNG
BÙI THẾ CƯỜNG
ĐỖ HƯƠNG GIANG
HUỲNH VĨNH PHÚC
NGUYỄN THỊ LUYỆN
PHÚ VĂN HẢN
RIEBER ARSÈNE
TRẦN HỮU QUANG
TRAN THI ANH-DAO
TRAN THI LIEN CLAIRE
VLADIMIR MAZYRIN
VÕ CÔNG NGUYỆN

Thư ký Tòa soạn
PHẠM NGỌC HƯỜNG

TÒA SOẠN
49 Nguyễn Thị Minh Khai,
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại:
84.028.38234039 -123
Fax: 84.28.38234033
Email
tapchikhxh@gmail.com

MỤC LỤC

TRIẾT HỌC - CHÍNH TRỊ HỌC - LUẬT HỌC

Lê Thị Hiền Lương — Quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về phòng, chống khủng bố trong thời kỳ hội nhập quốc tế — 1

Nguyễn Thị Cúc Trâm — Về mô hình làng thông minh trên thế giới và những hàm ý chính sách cho phát triển bền vững vùng nông thôn Nam Bộ — 12

KINH TẾ HỌC - XÃ HỘI HỌC - GIÁO DỤC HỌC

Hoàng Thị Thu Huyền — Kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi giá trị ở Đồng bằng sông Cửu Long - Thực trạng và gợi ý giải pháp — 2

VĂN HÓA - VĂN HỌC - NGÔN NGỮ HỌC

Đinh Khắc Thuân — Chuông chùa An Xá, Long Biên, Hà Nội — 4

Nguyễn Hương Ngọc — Cảnh quan chiến tranh trong *Cao điểm mùa hạ* và *Nhiệt đới gió mùa của* Lê Minh Khuê — 4

SỬ HỌC - KHẢO CỔ HỌC - DÂN TỘC HỌC

Mai Phương Ngọc
Võ Văn Thật — Vai trò của làng xã đối với sự phát triển của giáo dục, khoa cử nho học Việt Nam từ thế kỷ XV đến đầu thế kỷ XX (Nghiên cứu trường hợp làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An) — 5

Lê Ngọc Huynh — Mạng xã hội với quan hệ xã hội của người Giáy và người Hmông ở vùng biên giới tỉnh Lào Cai (Trường hợp xã Quang Kim và xã Tả Ngải Chồ) — 6

TÓM TẮT TIẾNG ANH — 8

Giấy phép Hoạt động Báo chí số 325/GP-BTTTT, ngày 05/9/2023 (số mới).
In tại Công ty Cổ phần In Người Lao Động, TPHCM.

Được quét bằng CamScanner

VAI TRÒ CỦA LÀNG XÃ ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA GIÁO DỤC, KHOA CỬ NHO HỌC VIỆT NAM TỪ THẾ KỶ XV ĐẾN ĐẦU THẾ KỶ XX
(Nghiên cứu trường hợp làng Quỳnh Đôi huyện Quỳnh Lưu tỉnh Nghệ An)

MAI PHƯƠNG NGỌC*
VÕ VĂN THẬT**

Trong lịch sử giáo dục khoa cử Nho học Việt Nam, nhiều vùng đất đã nổi danh là những vùng khoa bảng. Trong sự phát triển đó, làng xã có vai trò không nhỏ. Làng Quỳnh Đôi là đất học nổi tiếng không chỉ của xứ Nghệ mà của cả nước. Từ những quy định trong hương ước đến sự tồn tại của Hội Tư văn, Khoán Hội Tư văn, Văn từ đều cho thấy tinh thần trọng học, khuyến học bao trùm không khí của làng xã. Những chính sách đó của làng đã góp phần tạo nên truyền thống hiếu học và dòng chảy khoa bảng của xứ Nghệ nói riêng, của Việt Nam nói chung thời trung đại.

Từ khóa: làng xã, giáo dục, khoa bảng, Nho học, Quỳnh Đôi

Nhận bài ngày: 15/8/2023; đưa vào biên tập: 16/8/2023; phản biện: 08/9/2023; duyệt đăng: 15/9/2023

1. DẪN NHẬP

Làng xã luôn đóng vai trò quan trọng trong tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc Việt Nam. Đối với mỗi người Việt Nam, làng là nơi sinh thành, giáo dưỡng, chứng kiến và ghi nhận sự thành đạt của mỗi cá nhân. Làng xã luôn được nhắc đến với những từ thân thương như "quê hương", hay "quê cha, đất tổ". Thời quân chủ, người Việt Nam, trước hết là người của làng, thành viên của làng, sau đó mới là dân của nước. Vì vậy, mỗi chính sách của làng xã đều có ý nghĩa và tác động lớn đối với đời sống người dân. Trong lịch sử giáo dục khoa cử Nho học, một số làng đã có nhiều người đỗ đạt thành danh, trở thành các làng khoa bảng. Trong bài viết này, chúng tôi tìm hiểu về vai trò của làng xã đối với sự phát triển của giáo dục khoa cử Nho học thông qua trường hợp làng Quỳnh Đôi (nay là xã

* Trường Đại học Vinh.
** Trường Đại học Sài Gòn.

Được quét bằng CamScanner

Quỳnh Đôi), huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An thời trung đại.

Làng Quỳnh Đôi được chúng tôi chọn nghiên cứu bởi đây là làng khoa bảng nổi tiếng của xứ Nghệ. Dân gian từng truyền tụng rằng:

"Bắc Hà: Hành Thiện,
Hoan Diễn: Quỳnh Đôi".

2.KHÁI QUÁT VỀ LÀNG QUỲNH ĐÔI

Quỳnh Đôi nay là một xã thuộc huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, phía tây giáp xã Quỳnh Hậu, phía đông và phía nam giáp xã Quỳnh Yên, phía bắc giáp xã Quỳnh Thanh. Họ Hồ, họ Hoàng, họ Nguyễn được xem là ba dòng họ có công trong việc khai phá vùng đất Quỳnh Đôi. *Hồ tông thế phả* chép: "Vào niên hiệu Xương Phù, cùng thủy tổ họ Nguyễn là Ma Lãnh công, thủy tổ họ Hoàng húy Khánh, đồng cư Thổ Đôi trang tức là thủy tổ 3 họ triệu cơ của thôn" (Họ Hồ Việt Nam, 2007).

Tộc phả của họ Nguyễn cũng cho biết: *"Tự ấp triệu tiên cơ dữ Hồ, Hoàng tính, Vạn niên di hậu ấn tự Xương Phù lai".*

Dịch nghĩa: Thôn ấp này được xây dựng nên cùng với họ Hồ, họ Hoàng; Công đức lưu truyền đến vạn năm sau, bắt đầu từ những năm Xương Phù (1377-1378) đời Trần Phế Đế (Hội đồng gia tộc họ Nguyễn, 2014).

Năm Mậu Tý, Minh Đức thứ 2 đời nhà Mạc (1528) Hồ Nhân Hy - cháu năm đời của Hồ Hồng (con trai Hồ Kha) đổi tên từ Thổ Đôi thành Quỳnh Đôi (nghĩa là gò Quỳnh). Từ đây, tên gọi Quỳnh Đôi gắn liền với sự phát triển của vùng đất này. Cư dân làng Quỳnh qua thời gian ngày một thêm đông đúc. Hồ Sĩ Giàng cũng cho biết: Mặc dù làng Quỳnh Đôi không có núi, nhưng bốn phía xung quanh đều có núi hướng về. Núi Quy Lĩnh hình cái bảng được gọi là Bảng Giáp ở xã Quỳnh Bảng; núi Hiền Hoa gọi là Bảng Canh ở xã Quỳnh Hậu; núi Yên Mã hình yên ngựa nằm ở xã Quỳnh Bá; núi Trụ Hài hình cái trống ở xã Quỳnh Tùng; núi Nga My hình đôi lông mày ở xã Diễn Hùng (Diễn Châu); hòn Thoi ở xã Quỳnh Giang; hòn Bút ở xã Quỳnh Ngọc. Phía Đông Quỳnh Đôi có Mai Giang uốn khúc chảy ra lạch Quèn. Vì thế đây là mảnh đất thịnh cho việc học hành (nghiên, bút, bảng, cờ, trống), cho việc xông pha chinh chiến (ngựa), cho nghề dệt (thoi) và phụ nữ xinh đẹp (nga mi) (Hồ Sĩ Giàng, 1988: 12).

Mở đầu cho sự nghiệp khoa bảng làng Quỳnh Đôi là vào thế kỷ XV, khi thầy đồ Dương Văn Khai, một người thông minh, hiếu học, cốt cách thanh tao, tính tình đôn hậu, được mời về dạy học ở Thổ Đôi trang. Nhờ sự tận tụy của thầy Dương Văn Khai, sự nghiệp học hành của Thổ Đôi trang ngày càng phát triển. Vị khai khoa đầu tiên cho Quỳnh Đôi là Hồ Ước Lễ, đậu Thái học sinh năm 1449. Theo *Khoa danh trường biên* của Hồ Sĩ Tôn, đến năm 1725, Quỳnh Đôi có hơn 700 người đậu từ Tú tài đến Tiến sĩ (dẫn theo Đào Tam Tỉnh, 2000: 35). Theo Phan Hữu Thịnh trong *Làng Quỳnh xưa học hành và khoa cử*, tổng số người đỗ trung khoa[1] ở Quỳnh Đôi là 208 vị (có 13 giải nguyên), 10 vị đỗ

Được quét bằng CamScanner

Được quét bằng CamScanner

Tiến sĩ và 4 vị đỗ Phó bảng (Phan Hữu Thịnh, 1998: 36-41). Tác giả Đào Tam Tỉnh trong cuốn *Khoa bảng Nghệ An (1075-1919)* đã chép tên 190 Tiến sĩ, Phó bảng (Đào Tam Tỉnh, 2000: 181-224). Như vậy, trong lịch sử khoa cử Nho học, tính đến khoa thi cuối cùng đầu thế kỷ XX, làng Quỳnh chiếm 7,4% tổng số các vị đỗ đại khoa của của giáo dục khoa cử Nho học Nghệ An.

3. VAI TRÒ CỦA LÀNG XÃ ĐỐI VỚI GIÁO DỤC NHO HỌC Ở QUỲNH ĐÔI

Ở Quỳnh Đôi, mọi hoạt động của làng đều cho thấy sự trọng học, khuyến học. Điều này thể hiện ở sự tồn tại của Hội Tư văn với khoán ước hội, và những quy định trong hương ước của làng về chính sách đối với những người đỗ đạt.

3.1. Sự tồn tại của Hội Tư văn và Khoán hội Tư văn

Dưới thời quân chủ, nơi tập hợp các kẻ sĩ trong làng thường được gọi là "Hội Tư văn"(2). Phan Đại Doãn cho rằng: Hội Tư văn xuất hiện rất sớm, có thể đã có từ thế kỷ XV, duy trì, phát triển vào các thế kỷ XVIII, XIX và đầu XX (dẫn theo Khoa Lịch sử, 2006: 19).

Nhiệm vụ của Hội Tư văn là khuyến khích việc học tập, xây dựng và trùng tu văn chỉ, viết và đọc văn tế ở đình miếu. Sự ra đời của mỗi Văn từ, Văn chỉ đều gắn liền với vai trò và hoạt động của Hội Tư văn.

Sự ra đời của Hội Tư văn phản ánh vai trò của tầng lớp trí thức trong làng xã Việt Nam truyền thống. Đặc biệt, Hội Tư văn là tổ chức xã hội đóng vai trò chủ chốt trong các hoạt động lễ hội - đỉnh cao của sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Vai trò chủ tế trong những ngày tế lễ "xuân thu nhị kỳ" thường thuộc về người đứng đầu Hội Tư văn (Hội trưởng, hoặc Trùm Tư văn).

Về mặt tổ chức, làng Quỳnh Đôi thành lập Hội Tư văn tương đối sớm. Ngay điều đầu tiên của Khoán Hội Tư văn viết: "Đời Lê, năm thứ ba hiệu Vĩnh Thọ (1660), ngày 15 tháng chạp, làng bàn hễ ai đi thi Hội đỗ tam khôi Tiến sĩ, khi rước về thì cả bản Hội đều phải mặc áo đội mũ chỉnh tề đến tại đình làng để đi đón" (Ninh Viết Giao, 2015: 426) - điều đó cho thấy Hội Tư văn làng Quỳnh Đôi đã ra đời trước đó.

Hội Tư văn làng Quỳnh Đôi kết nạp những người đỗ từ tú tài trở lên, sau có mở rộng thêm những người không đỗ đạt nhưng có chức tước, có học vấn. Điều 33 của khoán hội viết: Năm thứ 3 hiệu Quang Trung (1790), Hội Tư văn bàn rằng, trước kia theo lệ làng ta, hễ có ai khoa trường mới được vào Hội Tư văn, nhưng mấy lâu nay khoa mục sơ sài, hội bàn lại: hễ ai là con cháu các nhà danh giá mà có văn học thì ưng theo khoán cũ, cho nộp tiền vọng, được vào Hội Tư văn. Nếu có sự tế lễ thì phải ăn mặc áo mũ chỉnh tề làm lễ, để làm cho lan rộng đạo mình, thờ việc văn học. Điều 34 cũng ghi: Năm thứ 6 hiệu Cảnh Thịnh (1798), ngày 13 tháng giêng, Hội Tư văn bàn: theo lệ cũ, hễ ai có văn trường mới được vào hội. Từ khi binh biến đến giờ, người khoa mục ngày

một ít, người theo đòi học việc thêm nhác. Nay hội bàn lập thi hạch ở làng, cử đến tiết xuân thì thi một kỳ. Hễ ai đỗ hạng ưu, hạng bình, nộp tiền vọng, y theo khoán cũ, được vào Hội Tư văn để khuyến khích văn phong (theo Ninh Viết Giao, 2015: 435).

Hội Tư văn cũng có những quy định để những người trong hội giữ gìn phẩm giá, phép tắc: "Hễ ai là người ở trong Hội Tư văn thì phải có đức khiêm tốn, nhún nhường, khi vào hội họp không được lấy ý riêng, cố bàn cho được, làm cho người ta cãi nhau hỗn độn, đến nỗi sinh ra bất tôn. Ai trái điều ước ấy phải phạt, phạt không chịu thì gạch tên" (dẫn lại theo Ninh Viết Giao, 2015: 435).

Ở Nghệ An, nhiều làng có khoán ước, hương ước hay khoán lệ... nhưng hiện nay, với các tài liệu tìm được chỉ có làng Quỳnh Đôi là trường hợp đặc biệt khi có khoán Hội Tư văn. Khoán Hội Tư văn làng Quỳnh Đôi được bắt đầu biên soạn từ năm 1660, sau đó được bổ sung dần, đến năm Tự Đức thứ 5 (1852) đã có 48 điều.

Bên cạnh những quy định về điều kiện được vào hội và các nhiệm vụ, công việc của hội thì khoán Hội Tư văn làng Quỳnh Đôi có nhiều điều khoản nhắc tới những chính sách khuyến khích việc học hành. Việc đặt lệ "ai đi thi Hội đỗ tam khôi Tiến sĩ, khi rước về thì cả bản Hội đều phải mặc áo đội mũ chỉnh tề đến tại đình làng để đi đón" chính là sự tỏ ý trọng đạo thánh hiền, quý người đỗ đạt. Được "võng giá về làng" chính là niềm tự hào, là mơ ước của những người theo đòi nghiệp bút nghiên, cũng là mơ ước của nhiều dòng họ dưới thời khoa cử Nho học.

Không chỉ được đón rước khi vinh quy bái tổ, Hội Tư văn cũng có những điều khoản để bảo vệ những người có học. Điều 6 quy định: "Năm thứ tư hiệu Chính Hòa (1683), ngày 28 tháng tư, cả làng bàn rằng, hễ người nào có đạo thánh hiền là người đó có thể duy trì được thế giáo. Người ấy, đời đáng tôn, dân làng đáng trọng. Nếu những người ấy mà còn bị kẻ khác coi là rẻ rúng thì làm sao có thể lập được công. Cho nên hễ ai như vậy mà bị kẻ khác ức hiếp làm nhục đến danh dự và thân thể thì nên hợp đồng chi lực, bảo vệ lấy đạo mình. Người trong hội nghe ba hồi trống thì đều đến để bàn bạc giảng giải và cho cáo trình". Những người có học cũng được ưu ái khi làng thực hiện nghĩa vụ bắt lính, "Hễ người đi học đã có học thức, tuổi chưa đến 18 mà bị bắt lính thì nên hết sức không cho bắt mà chỉ nộp tiền thôi. Nếu có tư tình cố bắt cho được một người nào, bản hội đồng lòng hết sức, lấy tiền trả lại cho kẻ bị bắt, để theo lẽ phải" (dẫn lại theo Ninh Viết Giao, 2015: 427). Có thể nói, việc lập khoán hội đã cho thấy hoạt động của Hội Tư văn ở Quỳnh Đôi khá quy củ, thể hiện vai trò và ảnh hưởng trong hoạt động của làng xã. Điều đó cũng cho thấy vị thế của những người có học và chính sách khuyến khích học tập trong cộng đồng làng xã.

3.2. Văn từ làng Quỳnh Đôi

Được quét bằng CamScanner

Mỗi làng Việt trước đây thường có một Văn từ hoặc Văn chỉ. Trong *Hán Việt từ điển*, Đào Duy Anh (1992: 536) giải thích về "Văn chỉ" như sau: "Văn nghĩa là những người có học vấn, văn vẻ, lời văn; Chỉ là cái nền đất, nơi quê quán. *Văn chỉ* 文 址 là nền Tế Thánh Khổng ở các hương thôn lập nên, còn do nhà vua lập gọi là văn miếu". Phan Kế Bính (2003: 120) lý giải cụ thể về kiến trúc, chức năng của Văn từ, Văn chỉ: "Đàn lộ thiên gọi là Văn chỉ, có lợp mái gọi Văn từ. Văn từ Văn chỉ để thờ riêng những bậc khoa hoạn trong làng. Có làng hiếm văn học, chưa có người hiển đạt, thì thờ Đức Khổng Tử, gọi là Tiên Thánh Sư, để làm chủ trương cho việc văn học trong làng". Trong dân gian, Văn từ, Văn chỉ thường được gọi là Nhà thánh.

Quỳnh Đôi cổ kim sự tích hương biên chép: Năm 1531, cụ Hồ Nhân Hi đã đứng ra chủ trì xây dựng cho làng Quỳnh một Văn từ, tuy nhiên không rõ địa điểm. Về sau cụ Trần Cảnh lấy đất ở của mình ở phía tây nam, dân mua ruộng mở rộng thêm và trồng cây cối xung quanh làm bờ rào, dựng làm Văn từ. Khoảng giữa triều Lê Trung Hưng, quan Tổng đốc là Trần Lâm (Trần Tú), người làng Bảo Triệu, huyện Gia Định, Kinh Bắc (Bắc Ninh) cúng hai tòa nhà gỗ lim lợp ngói để trùng tu lại. Năm 1812, Hội Tư văn làng Quỳnh Đôi góp sức xây lại Văn từ gồm 1 tòa 5 gian lợp tranh. Năm 1845, Tiến sĩ Văn Đức Giai đã họp các văn thân trong huyện để sửa chữa Văn từ, làm nhà, xây tường, làm nghi môn, xây tường giác phía đông dài 40 thước, phía tây dài 38 thước, cao 45 tấc, trong 3 tháng mới xong, hết 2.000 quan. Dưới thời vua Tự Đức, Văn từ tiếp tục được tu sửa vào các năm 1856, 1869, tuy nhiên đến tháng 11 năm 1885 bị thực dân Pháp và tay sai đốt phá. Ba năm sau, năm 1888, Cử nhân Phạm Đình Toái đã bàn với thân hào trong huyện vận động quyên tiền để xây dựng lại và tồn tại cho đến năm 1961 (Hồ Phi Hội, Hồ Trọng Chuyên, 2005: 52).

Điều quan trọng là, Văn từ làng Quỳnh cũng là Văn từ của huyện Quỳnh Lưu. Bài văn bia do Văn Đức Giai soạn vào tháng 8 năm 1845 đã cho thấy điều đó: "Huyện ta xây dựng Nhà thánh đã lâu đời, tương truyền Nhà thánh khi xưa ở Hoàng Mai sau dời đến Quỳnh Lâm, nhưng không biết nền cũ ở chỗ nào, nay lại dời đến phía tây dân cư làng Quỳnh Đôi, là đất ở của cụ Hoàn Hải đời Lê (ông tên là Trần Cảnh, người làng Quỳnh Đôi, ta gọi ông là Hoàn Hải tử, đỗ Hương cống vào khoảng hiệu Hoàng Định vua Lê Kính Tông, đi thi Hội đỗ Tam trường), ngài cúng cho Văn hội làng Quỳnh Đôi làm văn chỉ, đất ấy "Đinh Long dẫn mạch", "Đinh thủy đáo đường", núi Thiên Mã ở phương Ly (Nam), Lèn Bèo ở phương Canh (Tây), núi Quy Lĩnh ở phương Giáp (Đông) thực là một nơi phong thủy đẹp nhất ở trong huyện, huyện ta nhằm hợp tế ở đó" (Hồ Phi Hội, Hồ Trọng Chuyên, 2005: 52).

Theo Phan Kế Bính (2003: 120-121), ở Văn từ, Văn chỉ có nơi thờ riêng những bậc khoa cử, quan lại: Hạng

Được quét bằng CamScanner

hất là những người đỗ đại khoa (Tiến) và những người làm quan từ tam, phẩm trở lên, thờ ban giữa; Hạng ì là những người đỗ trung khoa ương cống, Cử nhân) và những ười làm quan từ lục, thất phẩm trở n, thờ ban hữu; Hạng ba là những ười đỗ tiểu khoa (Sinh đồ, Tú tài) và ững người làm quan từ bát, cửu ẩm, thờ ban tả.

ến khi tế tự thì đem cả hào mục tổng và các thầy đồ truyền giáo trong ng vào phối hưởng.

goài các đợt tế hằng năm thì những im nào có khoa thi, tất cả sĩ tử trong ng tụ hội tại đây làm lễ kỳ khoa, ặc cả làng làm lễ, để cầu cho ương thôn có nhiều người hiển đạt. i thi xong, ai được đỗ đạt thì lúc về ài có lễ ra lễ tại Văn từ hay Văn chỉ tạ ơn tiên hiền.

n từ hay Văn chỉ đối với làng xã ông chỉ là nơi thờ Khổng Tử, tiên o, mà thực chất còn là một điểm a về tâm linh cho các sĩ tử, đồng ời thể hiện sự khuyến khích học nh, thi cử đỗ đạt đối với các nam i trong xã hội quân chủ. Chính vì y, Văn từ đặt tại làng Quỳnh Đôi o thấy sức quy tụ của vùng đất này i với việc học của cả Quỳnh Lưu - ết huyện vào hạng đứng đầu xứ hệ về truyền thống khoa bảng.

. Những quy định trong hương ước

ương ước là những quy định, quy c của làng xã. Nói đến tính chất tự ản của làng xã Việt Nam, không thể ông nói đến những bản hương ước. Tiền thân của hương ước là những quy ước miệng về nghĩa vụ, trách nhiệm, quyền lợi của các thành viên trong cộng đồng làng xã, nhằm mục đích duy trì các mối quan hệ tốt đẹp, ổn định trật tự kỷ cương. Những quy ước này dựa trên sự đồng thuận của tất cả mọi người, nên việc thực hiện mang tính tự giác cao. Vì chỉ là quy ước miệng nên qua thời gian, thường không được lưu giữ vẹn toàn, hoặc bị truyền sai lệch đi, nên cần được văn bản hóa, có nghĩa là cần phải được viết ra.

Những điều quy ước này khi đã được viết ra thường được gọi là "Hương ước", hoặc "Khoán ước", "Hương lệ" (lệ làng), "Hương khoán", "Khoán lệ điều ước"... Một số nhà nghiên cứu cho rằng, những quy ước này của làng xã được văn bản hóa từ khoảng giữa thế kỷ XV trở đi, khi làng xã được tổ chức ngày càng chặt chẽ (Bùi Xuân Đính, 1998).

Theo Đinh Khắc Thuân (2004: 17), nội dung chính của các hương ước của người Việt cổ truyền thường tập trung ở một số điều khoản liên quan đến việc tế tự, cúng lễ trong làng và xác định rõ tôn ti trật tự; ngoài ra là các điều khoản về bảo vệ nông nghiệp, ruộng đồng, đóng góp với làng xóm, vấn đề khuyến khích học tập, tinh thần trọng lão... Tuy nhiên, đối với làng nghề hay làng khoa bảng thì hương ước có rất ít các điều khoản liên quan đến sản xuất nông nghiệp, mà thay vào đó là các quy ước về nghề thủ công, về khuyến học. Nội dung hương

Được quét bằng CamScanner

ước khá phong phú phản ánh nét đặc thù về phong tục tập quán của từng làng, từng thời kỳ lịch sử khác nhau, đồng thời cũng mang dấu ấn khá rõ nét của tư tưởng Nho giáo.

Ở Nghệ An, sách *Hương ước Nghệ An* thống kê được 37 bản hương ước còn lưu được tại các kho tư liệu và các làng xã. Trong đó, bản hương ước có niên đại sớm nhất là của làng Quỳnh Đôi năm 1638. Phần mở đầu hương ước có câu: "Năm thứ tư hiệu Dương Hòa (1638) ngày 20 tháng 8, quan Công bộ Viên ngoại hợp đồng với làng Thượng Hạ để làm thêm khoán ước" (Ninh Viết Giao, 2015: 111). Như vậy, Quỳnh Đôi có thể cũng đã có khoán ước từ trước năm 1638.

Bản hương ước làng Quỳnh Đôi được sưu tầm trong cuốn *Hương ước Nghệ An* gồm 118 điều. Trong đó nhiều điều thể hiện làng xã coi trọng việc học hành. Cụ thể như sau:

Điều 54 quy định rõ về lệ khảo cứu hàng năm của làng dành cho tất cả những người có học và chính sách ưu đãi làng dành cho những người đỗ qua mỗi kỳ khảo hạch của làng: "Cảnh Hưng năm thứ 29 (1768) ngày 7 tháng 1, quan tri phủ Đức Quang Hồ Phi Quỳnh họp với làng bàn rằng, làng ta là làng văn nhã, học trò rất nhiều, xưa nay nhà nào cũng tập tành học hành riêng ở nhà, chắc mình đã là hay là giỏi, chưa lấy vào đâu làm bằng cứ. Từ nay hằng năm đến đầu xuân độ chừng trung tuần chọn ngày tốt, sáng mai đánh ba hồi trống cho các thầy nho sinh, hiệu sinh, học sinh đều lều chiếu đến đình trung, làng ra bài cho mang làm. Ai đậu hạng ưu thì việc công dịch trừ suốt cả 3 năm, hạng bình trừ nửa năm, hạng thứ trừ ba tháng. Còn những người chưa đến tuổi việc quan mà đỗ thì làng tùy hạng mà thưởng giấy cho. Từ nay cứ theo lệ này mà làm vì cũng là thiên chức của Triều đình để khuyến khích kẻ học trò để chấn hưng văn phong của làng, khi nào cũng làm thế, không được bỏ quên" (dẫn lại theo Ninh Viết Giao, 2015: 111).

Điều 68 ghi rõ về những quy định dành cho quan viên giữ vai trò sơ khảo, phúc khảo trong kỳ khảo hạch: "Quan viên nào được làng cử làm sơ khảo, phúc khảo thì phải cốt lấy sự công bằng, tùy văn thể mà được đưa vào hạng ưu bình là do ý kiến của tôn trưởng, không được lấy ý kiến riêng của mình tranh biện phải trái, nếu ai không nghe thì về sau không cử làm các chức giám khảo, các chức đăng tả và các chức sắc số hiệu; không được thiện tiện đến các nơi sơ phúc khảo quan để chỉ tính danh của người dự khảo. Ai trái điều đó, có người phát giác, phải phạt" (dẫn lại theo Ninh Viết Giao, 2015: 118).

Để khuyến khích việc học, năm 1826, hương ước của làng quy định thêm về việc đón rước những vị đỗ đạt trung khoa: "ngày 18 tháng 2, làng bàn lễ cũ làng ta, ai thi đậu đại khoa, khi khâm phụng vinh quy về nhà làng sắm sửa nghi trượng đi đón rước, còn đi thi Hương đỗ tứ trường (Cử nhân) thì thôi. Nhưng từ nay về sau, hễ ai đi thi

Được quét bằng CamScanner

Hương đậu tứ trường về đến chợ Bẻo, làng cũng sắm sửa nghi trượng đón rước về đến nhà, để tỏ lòng trọng đạo" (dẫn lại theo Ninh Viết Giao, 2015: 127).

Nếu như trong khoảng thời gian trước, việc thờ tự và tu sửa Văn từ là việc của Hội Tư văn thì "Minh Mệnh năm thứ 20 (1839), ngày 12 tháng 2, làng bàn [...] Từ nay về sau như văn từ có hư hỏng, thì chiếu nhân số cả làng bổ tranh mà hợp để tỏ lòng trọng đạo" (dẫn lại theo Ninh Viết Giao, 2015: 128). Điều đó cho thấy sự coi trọng của làng xã với biểu tượng của sự học làng Quỳnh.

Điều đặc biệt là, trong hương ước làng Quỳnh Đôi có những điều khoản quy định riêng biệt dành cho những người Quỳnh Đôi làm nghề dạy học. Điều này có thể lý giải bởi làng Quỳnh trọng việc học, dạy học là nghề danh giá trong làng, nên người Quỳnh Đôi rất chú trọng giữ gìn phẩm giá những người thầy. Điều 50 trong khoán ước làng Quỳnh Đôi ghi rõ: "... làng ta vốn là làng văn nhã, gần đây các thầy dạy học mượn tiếng làm nhăng, lắm tiếng đồn chê, cái tệ ấy rất nên ngăn cấm. Sau này các thầy còn giữ thói nhăng, làng biết ra làng chiếu theo lẽ công làng bắt. Ai đã thành danh làng truất chỗ ngồi. Ai chưa thành danh làng không cho đi thi. Điều này rất quan hệ đến phong hóa, phải mau yết thị để chỉnh sĩ phong" (dẫn lại theo Ninh Viết Giao, 2015: 109). Điều 69 cũng ghi rằng: "Làng ta nhiều kẻ văn nhân, chuyên làm nghề dạy học trò, đã là người dạy học thì nên biết giữ gìn mình mà tự trọng, khi ăn nói lúc đứng ngồi không nên cẩu thả, lại còn ra dáng nảy nọ, yêu sách tiền cho nhiều, không được như ý thì mắng nhà chủ, đóng cổng làn trâu; hoặc có tư tình, tiếng tăm đồn rậy, làm dơ dáng đạo mình. Những người có chức trong sổ hội mà có sự ấy thì phải sổ (xóa) tên, còn những người thuộc hạng ngoại, đánh đòn 30 roi, làng còn gửi tờ đến nơi dạy học cho quan địa phương nơi ấy đuổi đi" (dẫn lại theo Ninh Viết Giao, 2015: 118). Những quy định trên cho thấy làng Quỳnh rất nghiêm khắc và có những luật lệ riêng đối với nghề dạy học, bởi vậy những ông đồ xuất thân từ làng Quỳnh Đôi thường được nể trọng bởi cả kiến thức uyên thâm và đạo đức cao thượng, tấm lòng thanh bạch. Họ góp phần tạo nên dòng chảy khoa bảng và hiếu học của làng Quỳnh.

Bên cạnh bản hương ước trên, Quỳnh Đôi còn có một bản *Quỳnh Đôi hương lệ* hiện chưa xác định được năm soạn thảo. Trong *Quỳnh Đôi hương lệ* cũng có một số điều đề cập đến việc học của làng. Việc đến Nhà thánh ngay trong khoảnh khắc đầu tiên của năm mới được coi là tục lệ đầu tiên của làng Quỳnh: "Điều 1. Hàng năm nửa đêm mùng một Tết, ông câu đương văn hội bắt đầu đánh ba hồi trống, các quan văn hội đều ăn mặc áo mũ chỉnh tề đến Nhà thánh kính bái. Xong rồi, các ngài lại đến các nhà thờ họ mình kính bái tiên tổ" (dẫn lại theo Ninh Viết Giao, 2015: 84). Trong ngày mùng 2, các học trò cũng phải đến nhà thầy

Được quét bằng CamScanner

học của mình để lễ tết: "Ngày mùng hai quan viên chức sắc đi lễ tết nhà thờ, các cụ đỗ đại khoa, ai là học trò thầy nào thì đi đến nhà thầy học lễ tết, không kể thầy còn sống hay đã chết" (dẫn lại theo Ninh Viết Giao, 2015: 84). Đặc biệt, trong hương lệ của làng có điều 21, nói về lễ nghĩa của phụ nữ Quỳnh Đôi, có câu "những điều thô tục không nói, chửi bới mắng đập không mấy khi, xấu hổ khi phải làm thiếp quan, thà rằng làm vợ cả người học trò" (dẫn lại theo Ninh Viết Giao, 2015: 90), đây cũng là một chi tiết cho thấy làng Quỳnh rất coi trọng người có học, hơn cả quan lại giàu sang.

Những quy định của làng xã còn được vận dụng vào các họ. Chẳng hạn như họ Hồ, năm nào có thi Hương, họ tổ chức lễ cầu khoa cho con cháu và tổ chức khảo sát học vấn vào ngày 10 tháng giêng. Ai thi khá thì đến ngày 12 sau khi tế tổ, họ biểu dương và có phần biếu. Ai làm bài sai sót thì họ nhắc nhở. Ai đỗ Tiến sĩ, họ góp tiền làm cho một cái nhà tranh 3 gian, mừng một bức trướng và trầu rượu trị giá một quan tiền; đỗ Phó bảng mừng một đối câu đối và trầu rượu trị giá một quan tiền; đỗ Cử nhân mừng một quan tiền và trầu rượu trị giá 4 tiền; đỗ tú tài mừng trầu rượu trị giá 6 tiền. Khi nghe tin họ có người đỗ, ở nhà thờ họ sẽ đánh 3 hồi trống lớn. Người trong họ ăn mặc chỉnh tề đến Từ đường để đi đón rước (Họ Hồ Việt Nam, 2007). Chính những chính sách đó đã thôi thúc các thành viên phấn đấu học tập để được dòng họ, làng xã vinh danh.

4. MỘT SỐ NHẬN XÉT

Ở các làng xã khác của Nghệ An, cũng có thể thấy một số quy định tương tự nhằm khuyến khích những người đi học. Hương ước làng An Lạc (huyện Nam Đàn) có câu: "Trong xã, những ai còn theo đường nghiên bút một cách nghiêm túc thì được miễn phu phen, binh lính để tiện việc học tập" (dẫn lại theo Ninh Viết Giao, 2015: 56). Không chỉ được miễn phu phen, lính tráng mà những người có công lao gây dựng sự học còn được cấp ruộng. Hương ước làng Phú Văn (Yên Thành) ghi: "Có ai đang theo học mà mời Tú tài, Cử nhân về làng dạy học, làng có người theo học thì xã cấp 3 sào ruộng công để khuyến khích" và "Cử đi thi Hội, ngày lên đường, (làng) cắt hai phu cáng võng lên tỉnh" (dẫn lại theo Ninh Viết Giao, 2015: 56). Hương ước làng Yên Lưu (Nghi Lộc) cũng ghi: "Học điền của xã dành cho những người đậu đạt để khuyến khích việc học; chưa có khoa bảng nhưng là thí sinh nhất nhị trường được quyền nhận cày. Hàng năm xuất tiền 10 quan biện lễ cúng chính đón tại văn chỉ. Khi có khoa bảng thì học điền dành cho khoa bảng" (dẫn lại theo Ninh Viết Giao, 2015: 56); "khi trong xã có người trúng khoa bảng (văn hay võ) thì chọn ngày, lấy dân làng, có nghi lễ tử tế đi đón rước về làng, yết văn miếu nếu là văn khoa. Lễ vật do chủ nhân biện" (dẫn lại theo Ninh Viết Giao, 2015: 314). Lễ mừng, làng Yên Lưu định: "Thi Hương đậu tú tài thì xã mừng 30 quan, một câu đối; đậu Cử nhân văn thì xã mừng 50 quan; đậu Cử nhân võ thì xã mừng

Được quét bằng CamScanner

30 quan, câu đối đều 1 đôi. Thi Hội trúng đại khoa, văn thì mừng 100 quan, võ mừng 50 quan, 1 bức trướng lụa cho cả 2 loại" (dẫn lại theo Ninh Viết Giao, 2015: 314).

Như vậy, làng Quỳnh cũng như một số các làng quê khác của Nghệ An, làng xã đều có những chính sách trọng học, khuyến học. Ở Quỳnh Đôi, những chính sách đó đã trở thành các tục lệ ăn sâu bám rễ trong đời sống cộng đồng làng xã qua hàng trăm năm. Các nho sinh học để nối tiếp truyền thống của ông cha trong dòng tộc, học để rạng danh với làng xã, học để "tiến vi quan, đạt vi sư". Có thể thấy, làng xã đóng một vai trò quan trọng, và là một trong những động lực căn bản tạo nên dòng chảy hiếu học và khoa bảng của xứ Nghệ nói riêng và cả Việt Nam nói chung dưới thời quân chủ. ❑

CHÚ THÍCH

(1) Trung khoa: người đỗ Hương cống, Cử nhân.

(2) "Tư văn" 斯文: Sách *Từ Nguyên* giải thích như sau: "論語:天之將喪斯文也:注:禮之顯者謂之文.蓋禮樂制度之謂.後遂稱儒者為斯文". Phiên âm: "*Luận ngữ*: "Thiên chi tương táng Tư văn dã". Chú: Lễ chi hiển giả vị chi văn. Cái lễ, nhạc, chế độ chi vị. Hậu toại xưng Nho giả vi Tư văn". Dịch nghĩa: Sách *Luận ngữ* có nói: "Trời chưa muốn để mất Tư Văn vậy". Chú thích: Việc lễ mà hiển đạt thì gọi là Văn, để nói chung lễ nhạc, chế độ. Vì thế, đời sau gọi nhà Nho là Tư Văn" (trích trong *Từ Nguyên*: bộ Cân, tập Mão).

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bùi Xuân Đính. 1998. *Hương ước và quản lý làng xã*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
2. Đào Duy Anh. 1992 *Hán Việt từ điển*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
3. Đào Tam Tỉnh. 2000. *Khoa bảng Nghệ An (1075-1919)*. Thư viện Nghệ An.
4. Đinh Khắc Thuân. 2004. "Sự thâm nhập Nho giáo vào làng xã Việt Nam qua tư liệu hương ước". Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 6 (30).
5. Họ Hồ Việt Nam. 2007. *Hồ Tông thế phả* (bản dịch). Lưu tại di tích nhà thờ họ Hồ, xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.
6. Hồ Phi Hội (khởi biên), Hồ Trọng Chuyên (tục biên). 2005. *Quỳnh Đôi cổ kim sự tích Hương biên*. TPHCM: Nxb. Tổng hợp TPHCM.
7. Hồ Sĩ Giảng. 1988. *Từ Thổ đôi trang đến xã Quỳnh Đôi*. Nghệ Tĩnh: Nxb. Nghệ Tĩnh.
8. Hội đồng Gia tộc họ Nguyễn. 2014. *Gia phả họ Nguyễn triệu cơ* (bản dịch). Lưu tại di tích nhà thờ họ Nguyễn, xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.
9. Khoa Lịch sử Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. 2006. *Làng Việt Nam đa nguyên và chặt*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
10. Ninh Viết Giao. 2015. *Hương ước Nghệ An*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
11. Phan Hữu Thịnh. 1998. *Làng Quỳnh xưa học hành và khoa cử*. Nghệ An: Nxb. Nghệ An.
12. Phan Kế Bính. 2003 *Việt Nam phong tục*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa - Thông tin.

Được quét bằng CamScanner

THE MONTHLY REVIEW
Vol 9 (301)2023

REVIEW OF SOCIAL SCIENCES
HO CHI MINH CITY

ISSN: 1859-0136

Editorial office: 49 NGUYEN THI MINH KHAI, DISTRICT 1, HO CHI MINH CITY
Tel: 28.38248639 -123 . Fax: 28.38234033
Email: tapchikhxh@gmail.com

CONTENTS

PHILOSOPHY - POLITICAL SCIENCE - LAW

Le Thi Hien Luong — Views and Policies of Vietnam and Its Party on Preventing and Combating Terrorism in the Period of International Integration — 1

Nguyen Thi Cuc Tram — Smart Village Models in the World and Policy Implications for Sustainable Development in the Southern Rural Region — 12

ECONOMICS - SOCIOLOGY - EDUCATION

Hoang Thi Thu Huyen — Agricultural Business Under Value Chain in the Mekong Delta – Current Situation Assessment and Suggested Solutions — 24

CULTURAL - LITERATURE - LINGUISTICS

Dinh Khac Thuan — The Bell of An Xa Pagoda, Long Bien, Hanoi — 40

Nguyen Huong Ngoc — War Landscape in Le Minh Khue's Short Stories *Peak Summer* and *Tropical Monsoon* — 49

HISTORY - ARCHAEOLOGY - ETHNOLOGY

Mai Phuong Ngoc, Vo Van That — The Role of Villages in the Development of Education and Genesis in Vietnam from the 15th Century to the Early 20th Century (Case Study of Quynh Doi Village, Quynh Luu District, Nghe An Province) — 58

Le Ngoc Huynh — Social Network and Social Relations of Giay and Hmong People in the Border Area of Lao Cai Province (Case Study of Quang Kim Commune and Ta Ngai Cho Commune) — 68

ARTICLES' ABSTRACTS IN ENGLISH — 80

Licence: 325/GP-BTTTT, September 5th 2023.
Printed by Nguoi Lao Dong Printing Joint Stock Company.

Được quét bằng CamScanner

THỂ LỆ GỬI BÀI CHO TẠP CHÍ KHOA HỌC XÃ HỘI

Để nâng cao chất lượng và hình thức Tạp chí theo hướng chuyên nghiệp và phù hợp với thông lệ khoa học quốc tế, Tạp chí rất mong các cộng tác viên gửi bài theo đúng thể lệ sau đây.

1. Bài gửi đăng trên *Tạp chí Khoa học Xã hội* đề nghị không gửi đăng trên các sách, báo và tạp chí khác.
2. Bài gửi đăng đánh máy vi tính trên một mặt giấy (khổ A4, font chữ unicode, cỡ chữ 14, không quá 15 trang). Bài viết phải có Bản tóm tắt nội dung tiếng Việt, tiếng Anh và Mục từ khóa (3 đến 5 từ).
   Bài gửi đến: tapchikhxh@gmail.com
3. Bài cần phải chia thành các tiểu mục được đánh số theo thứ tự: 1, 2 ; 1.1, 1.2; 1.1.1; 1.1.2). Tên tiểu mục cần ngắn gọn, không có chấm câu.
4. Tên riêng người, địa phương, thuật ngữ tiếng nước ngoài để nguyên văn, không phiên âm sang tiếng Việt.
5. Các đoạn trích dẫn trong bài để trong dấu ngoặc kép, không in nghiêng.
6. Các chú thích để ở cuối bài, trước mục Tài liệu trích dẫn, đánh theo số thứ tự 1, 2, 3. Tài liệu trích dẫn trong bài để trong dấu ngoặc đơn và viết theo thứ tự: họ tên tác giả, năm, số trang.

   Thí dụ: (Lê Văn Thủy, 1999: 20).
   (J.P. Lester, 2000: 32).
7. Bài nghiên cứu cần có mục Tài liệu trích dẫn ở cuối. Tài liệu trích dẫn có đánh số theo thứ tự họ (kể cả tác giả Việt Nam). Thứ tự trong tài liệu tham khảo như sau:

   + Tài liệu sách: Họ, tên tác giả. Năm xuất bản. Tên tài liệu (chữ nghiêng). Địa điểm xuất bản: Nhà xuất bản.

   Thí dụ: 1. Đinh Lê Bảo. 2003. *Công nghiệp hóa*. Hà Nội: Nxb. Văn học.
   2. Lester, James. 2001. *Public Policy*. Belmont: Wadsworth.

   + Tài liệu in trên tạp chí/báo: Họ, tên tác giả. Năm xuất bản. Tên tài liệu (trong ngoặc kép). Tên tạp chí/báo (chữ nghiêng).

   Thí dụ: 1. Trương Bá Cần. 2000. "Lịch sử phát triển Công giáo". *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 10.
   2. Nguyễn Đình Đầu. 2008. "Nhà Nguyễn bắt đầu cấm đạo khi nào?" *Tuần báo Công giáo và Dân tộc*, số 1645, tuần lễ từ 22/2 đến 28/2.
8. Cuối bài cần ghi rõ họ tên, chức danh khoa học, học vị, tên cơ quan và địa chỉ, điện thoại, email để Tòa soạn tiện liên hệ với tác giả.
9. Bài không sử dụng, Tòa soạn xin phép không trả lại bản thảo.
10. Để bài gửi đến có hình thức hoàn hảo theo yêu cầu của Thể lệ, xin quan sát kỹ các bài viết đã in trong số Tạp chí gần đây. Đóng phí phản biện bài viết theo quy định

— TÒA SOẠN TẠP CHÍ KHOA HỌC XÃ HỘI

Giá: 35.000đ

Được quét bằng CamScanner